

NGHIÊN CỨU RỐI LOẠN LO ÂU, STRESS Ở BỆNH NHÂN COVID-19 NGÀY ĐẦU NHẬP VIỆN TẠI BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y MIỀN ĐÔNG



ĐD.CKI. Trần Thị Quỳnh Mai & cộng sự

NỘI DUNG

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

2 MỤC TIÊU

3 ĐỐI TƯỢNG & PHƯƠNG PHÁP NC

4 KẾT QUẢ & KẾT LUẬN

ĐẶT VẤN ĐỀ

- ➔ SARS-CoV-2 được phát hiện đầu tiên Vũ Hán - Trung Quốc năm 2019 và được WHO công bố là đại dịch toàn cầu COVID-19.
- ➔ Năm 2020-2021 tình hình dịch COVID-19 bùng phát mạnh trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam, có >4.5 triệu ca TV, đặc biệt ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vật chất, tinh thần cho toàn xã hội.



ĐẶT VẤN ĐỀ



ĐẶT VẤN ĐỀ

- Tại VN các nghiên cứu về ảnh hưởng tâm lý BN Covid-19 còn hạn chế.
- Bệnh viện QDYMĐ là BV điều trị Covid-19 tầng 3, thu dung điều trị >500 giường. Hoạt động chăm sóc tinh thần yếu tố quan trọng trong điều trị Covid-19
- ➔ “Nghiên cứu rối loạn lo âu, stress ở bệnh nhân COVID-19 ngày đầu nhập viện tại bệnh viện QDYMĐ



MỤC TIÊU

Đánh giá tỷ lệ RLLÂ, stress và mối liên quan giữa rối loạn lo âu, stress với một số yếu tố nguy cơ ở bệnh nhân COVID-19 ngày đầu nhập viện.

ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

ĐỐI TƯỢNG

- 298 BN ngày đầu nhập viện chẩn đoán nhiễm SARS-CoV-2 bằng phương pháp RT-PCR
- Từ tháng 7 – tháng 8 năm 2021

TIÊU CHUẨN CHỌN BỆNH

- BN được chẩn đoán nhiễm SARS-CoV-2
- Từ 18 tuổi trở lên
- Điều trị nội trú tại Bệnh viện QDYMD

TIÊU CHUẨN LOẠI RA

- BN mắc bệnh tâm thần, không có khả năng trả lời phỏng vấn
- Không đảm bảo được 70% bộ câu hỏi trong thang đo

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

THIẾT KẾ NC

- Cắt ngang mô tả

NỘI DUNG NC

- PV NB và tra cứu HSBA
- Tính BMI ≥ 25 gọi là béo phì)
- Sử dụng thang đo DASS 21

XỬ LÝ SỐ LIỆU

- SPSS:
20.0

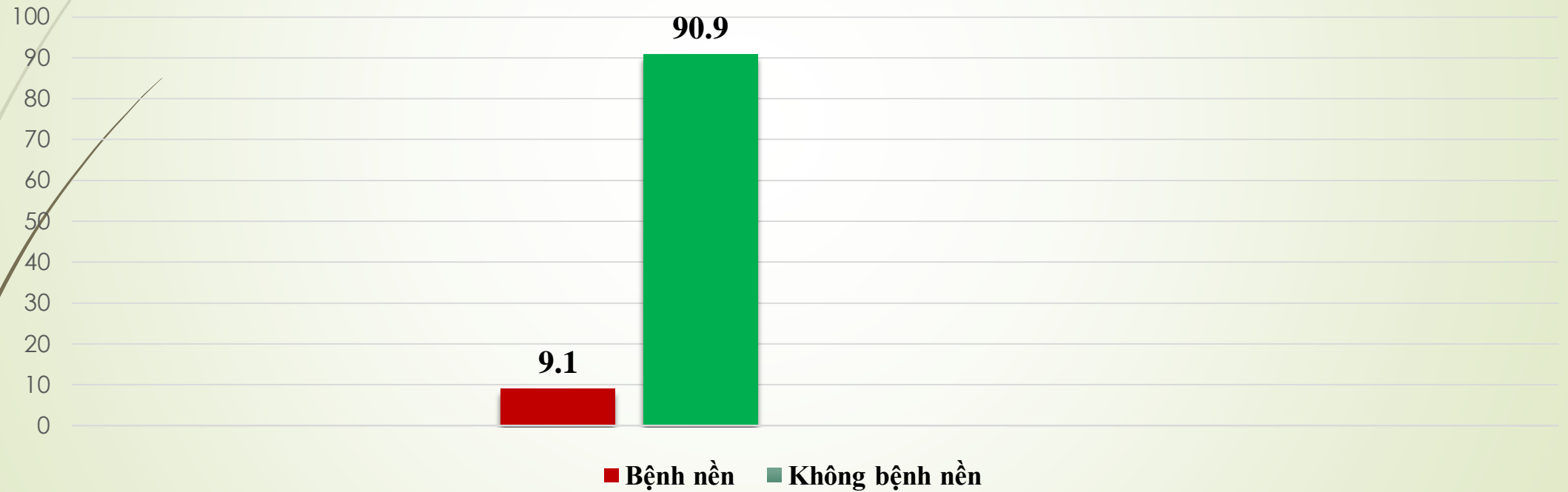
KẾT QUẢ

Bảng 3.1. Đặc điểm tuổi, giới và chỉ số BMI của đối tượng nghiên cứu

CHỈ TIÊU \ ĐỘ TUỔI	< 30, n (%)	30-39, n (%)	≥ 40, n (%)
Chung n (%)	171 (57,4)	59 (19,8)	68 (22,8)
Nhóm nam, n (%)	136 (45,6)	34 (11,4)	36 (12,1)
Nhóm nữ, n (%)	35 (11,7)	25 (8,4)	32 (10,7)
Tuổi trung bình	30,4 ± 11,8 (năm), thấp nhất: 18 tuổi; cao nhất: 72 tuổi		
BMI trung bình	22,1 ± 2,9 kg/m ² , thấp nhất: 15,6 kg/m ² ; cao nhất: 39,5 kg/m ²		
BMI ≥ 25kg/m ² , n (%)	42 (14,1)		

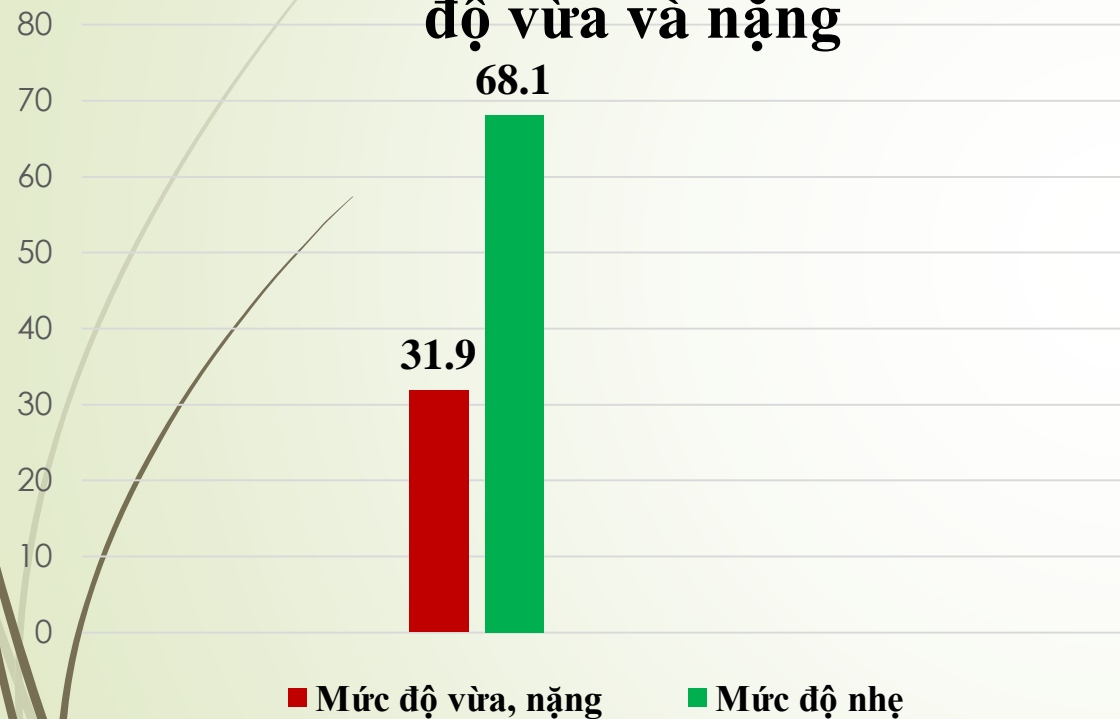
KẾT QUẢ

Tỷ lệ bệnh nhân COVID-19 có bệnh nền.

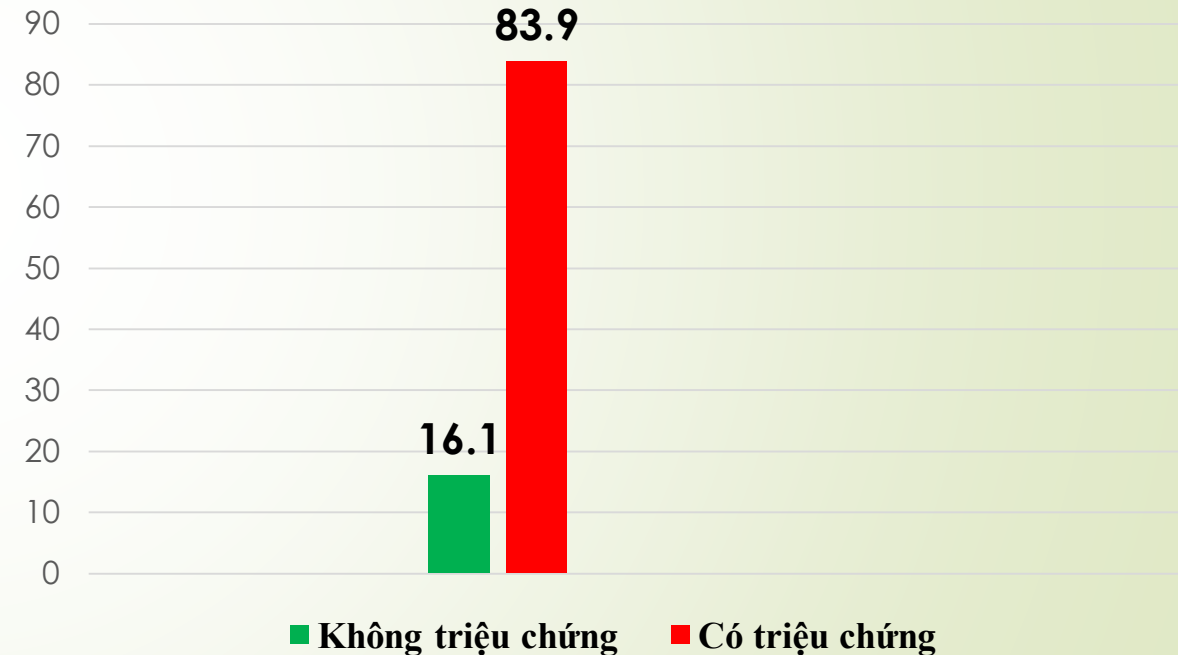


KẾT QUẢ

Tỷ lệ bệnh nhân COVID-19 có mức độ vừa và nặng



Tỷ lệ bệnh nhân COVID-19 có triệu chứng



KẾT QUẢ

Bảng 3.2: Tỷ lệ bệnh nhân COVID-19 có RLLÂ, stress ngày đầu nhập viện

CHỈ TIÊU		TÂM THẦN	(n = 298) RLLÂ	(n = 298) Stress
Chung n (%)			248 (83,2%)	242 (81,2%)
Mức độ RLLÂ, Stress, n (%)	Bình thường		50 (16,8%)	56 (18,8%)
	Nhẹ		69 (23,2%)	116 (38,9%)
	Vừa		157 (52,7%)	103 (34,6%)
	Nặng và rất nặng		22 (7,4%)	23 (7,7%)
	Vừa trở lên		179 (60,1%)	126 (42,3%)

KẾT QUẢ

Bảng 3.3. Mối liên quan giữa bệnh nhân COVID-19 có RLLÂ, stress với độ tuổi ≥ 40

Nhóm COVID -19		Tuổi ≥ 40 (n = 68)	Tuổi < 40 (n =230)	OR (CL), p
Chỉ tiêu				
RLLÂ	Có, n (%)	65 (95,6%)	183 (79,6%)	5,6 (1,7-18,5), $p < 0,01$
	Không, n (%)	3 (4,4%)	47 (20,4%)	
Stress	Có, n (%)	63 (92,6%)	179 (77,8%)	3,6 (1,4-9,4), $p < 0,01$
	Không, n (%)	5 (7,4%)	51 (22,2%)	
RLLÂ vừa trở lên	Có, n (%)	49 (72,1%)	130 (56,5%)	2,0 (1,1-3,6), $p < 0,05$
	Không, n (%)	19 (27,9%)	100 (43,5%)	
Stress vừa trở lên	Có, n (%)	35 (51,5%)	91 (39,6%)	1,6 (0,95-2,8), $p = 0,081$
	Không, n (%)	33 (48,5%)	139 (60,4%)	

KẾT QUẢ

Bảng 3.4. Mối liên quan giữa bệnh nhân COVID-19 có RLLÂ, stress với chỉ số BMI ≥ 25 kg/m² (béo phì)

Chỉ tiêu		Nhóm COVID -19	BMI ≥ 25 kg/m ² (n = 42)	BMI < 25 kg/m ² (n = 256)	OR (CL), p
RLLÂ	Có, n (%)		37 (81,1%)	211 (82,4%)	1,6 (0,6-4,2), p > 0,05
	Không, n (%)		5 (11,9%)	45 (17,6%)	
Stress	Có, n (%)		40 (95,2%)	202 (78,9%)	5,3 (1,3-22,8), p < 0,05
	Không, n (%)		2 (4,8%)	54 (21,1%)	
RLLÂ vừa trở lên	Có, n (%)		32 (76,2%)	147 (57,4%)	2,4 (1,1-5,0), p < 0,05
	Không, n (%)		10 (23,8%)	109 (42,6%)	
Stress vừa trở lên	Có, n (%)		22 (52,4%)	104 (40,6%)	1,6 (0,8-3,1), p > 0,05
	Không, n (%)		20 (47,6%)	152 (59,4%)	

KẾT QUẢ

Bảng 3.5. Mối liên quan giữa bệnh nhân COVID-19 có RLLÂ, stress với bệnh nhân có triệu chứng

Chỉ tiêu	Nhóm COVID -19		Có triệu chứng (n = 250)	Không triệu chứng (n =48)	OR (CL), p
	Có, n (%)	Không, n (%)			
RLLÂ	Có, n (%)		213 (85,2%)	35 (72,9%)	2,1 (1,0-4,4), p < 0,05
	Không, n (%)		37 (14,8%)	13 (27,1%)	
Stress	Có, n (%)		208 (83,2%)	34 (70,8%)	2,0 (1,0-4,1), p < 0,05
	Không, n (%)		42 (16,8%)	14 (29,2%)	
RLLÂ vừa trở lên	Có, n (%)		153 (62,1%)	26 (54,2%)	1,3 (0,7-2,5), p > 0,05
	Không, n (%)		97 (38,8%)	22 (45,8%)	
Stress vừa trở lên	Có, n (%)		108 (43,2%)	18 (37,5%)	1,3 (0,7-2,4), p > 0,05
	Không, n (%)		142 (56,8%)	30 (62,5%)	

KẾT QUẢ

Bảng 3.6. Mối liên quan giữa bệnh nhân COVID-19 có RLLÂ, stress với bệnh nền

Chỉ tiêu	Nhóm COVID -19	Có bệnh nền	Không bệnh nền	OR (CL), p
		(n = 27)	(n =271)	
RLLÂ	Có, n (%)	24 (88,9%)	224 (82,7%)	1,7 (0,5-5,8), p > 0,05
	Không, n (%)	3 (11,1%)	47 (17,3%)	
Stress	Có, n (%)	23 (85,2%)	219 (80,8%)	1,4 (0,5-4,1), p > 0,05
	Không, n (%)	4 (14,8%)	52 (19,2%)	
RLLÂ vừa trở lên	Có, n (%)	21 (77,8%)	158 (58,3%)	2,5 (1,0-6,4), p < 0,05
	Không, n (%)	6 (22,2%)	113 (41,7%)	
Stress vừa trở lên	Có, n (%)	17 (63,0%)	109 (40,2%)	2,5 (1,1-5,7), p < 0,05
	Không, n (%)	10 (37,0%)	162 (59,8%)	

KẾT QUẢ

Bảng 3.7. Mối liên quan giữa bệnh nhân COVID-19 có RLLÂ, stress với mức độ bệnh COVID-19

Chỉ tiêu	Nhóm COVID -19		<i>Vừa và nặng</i> (<i>n</i> = 95)	<i>Nhẹ</i> (<i>n</i> =203)	<i>OR (CL), p</i>
	Có, n (%)	Không, n (%)			
RLLÂ	Có, n (%)		91 (98,5%)	157 (77,3%)	6,7 (2,3-19,1), <i>p</i> < 0,001
	Không, n (%)		4 (4,2%)	46 (22,7%)	
Stress	Có, n (%)		92 (96,8%)	150 (73,9%)	10,8 (3,2-35,7), <i>p</i> < 0,001
	Không, n (%)		3 (3,2%)	53 (26,1%)	
RLLÂ vừa trở lên	Có, n (%)		86 (90,5%)	93 (45,8%)	11,3 (5,4-23,7), <i>p</i> < 0,001
	Không, n (%)		9 (9,5%)	110 (54,2%)	
Stress vừa trở lên	Có, n (%)		80 (84,2%)	46 (22,7%)	18,2 (9,6-34,6), <i>p</i> < 0,001
	Không, n (%)		15 (15,8%)	157 (77,3%)	

KẾT LUẬN

- Tỷ lệ RLLÂ, stress ở bệnh nhân bị COVID-19 ngày đầu nhập viện cao
- Tỷ lệ RLLÂ, stress ở nhóm bệnh nhân COVID-19 có độ tuổi ≥ 40 , béo phì ($BMI \geq 25 \text{ kg/m}^2$), bệnh nền, có triệu chứng cao hơn so với nhóm có độ tuổi < 40 , không béo phì, không có bệnh nền, không có triệu chứng, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$)
- Tỷ lệ RLLÂ, stress vừa và nặng ở nhóm bệnh nhân COVID-19 vừa và nặng cao hơn so với nhóm bệnh nhân COVID-19 nhẹ, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$)

THANK YOU

For Your Attention

